

Số: 323 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0288.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 7/5/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L + 500mL

Ngày nhận mẫu : 07/05/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 08/05/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 08/05/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,48                | 2                   | 08/05/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,43                | 0,3 - 0,5           | 08/05/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)             | 38,00               | 250,00              | 08/05/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 128,00              | 300,00              | 08/05/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,26                | 2                   | 08/05/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 4,33                | 15                  | 08/05/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | 0,05                | 0,3                 | 08/05/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 08/05/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 1,08                | 50                  | 08/05/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | 0,02                | 3                   | 08/05/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,25                | 6,5 - 8,5           | 08/05/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,08                | 0,3                 | 08/05/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 200,1               | 250                 | 08/05/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0288.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

*Khuân*

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2020

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

| STT | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                               | Kết quả            | Tiêu chuẩn         | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100ml)                         | ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)                 | 0                  | 0                  | 05/05/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100ml)                          | ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)                 | 0                  | 0                  | 05/05/2020      |
| 3   | Chlorine (mg/L)                                       | TCVN 6180-1:2006 (*)                      | 0.48               | 0.5                | 05/05/2020      |
| 4   | Chlorine (mg/L)                                       | SMWW 4500 - Cl- P-2012                    | 0.43               | 0.5 - 0.5          | 05/05/2020      |
| 5   | Chlorine (mg/L)                                       | SMWW 4500 - Cl- B - 2012                  | 38.00              | 250.00             | 05/05/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMWW 2340C - 2012 (*)                     | 128.00             | 300.00             | 05/05/2020      |
| 7   | Độ cứng (CaCO <sub>3</sub> ) (mg/L)                   | SMWW 2130B - 2012                         | 0.26               | 3                  | 05/05/2020      |
| 8   | Độ mặn (màu sắc) (TCU)                                | SMWW 2130C - 2012 (*)                     | 4.33               | 15                 | 05/05/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMWW 3500 Mn - B - 2012 (*)               | 0.05               | 0.3                | 05/05/2020      |
| 10  | Màu vị                                                | Ghi nhận                                  | Không có mùi vị lạ | Không có mùi vị lạ | 05/05/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180-1:2006 (*)                      | 1.08               | 50                 | 05/05/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMWW 4500 - NO <sub>2</sub> -B - 2012 (*) | 0.02               | 3                  | 05/05/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6180-1:2006 (*)                      | 7.25               | 6.5 - 8.5          | 05/05/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMWW 3500 Fe - B - 2012                   | 0.08               | 0.3                | 05/05/2020      |
| 15  | Sulfate (mg/L)                                        | SMWW 437 C - 2012                         | 200.1              | 250                | 05/05/2020      |

Số: 324 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0289.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
Người lấy mẫu : YS. Luân  
Địa điểm lấy mẫu : Nguyễn Minh Quang, ấp Chợ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.  
Ngày lấy mẫu : 7/5/2020  
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )  
Lượng mẫu : 1,5L + 500mL  
Ngày nhận mẫu : 07/05/2020  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 08/05/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 08/05/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,26                | 2                   | 08/05/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - Cl F-2012    | 0,31                | 0,3 - 0,5           | 08/05/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,33                | 2                   | 08/05/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 5,13                | 15                  | 08/05/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 08/05/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,09                | 0,3                 | 08/05/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 5 năm 2020

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
BS. CKII. Võ Quang Hà